

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Số: 5194/LĐTBXH-GDNN
V/v đề nghị đăng tin lấy ý kiến về
Quy định đơn giá chi phí đào tạo nghề
trình độ sơ cấp đối với thanh niên hoàn
thành nghĩa vụ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2019.

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai (Công thông tin tỉnh).

Thực hiện Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã dự thảo Quyết định quy định đơn giá chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (đính kèm).

Để đảm bảo đúng quy trình thực hiện quy định của văn bản quy phạm pháp luật, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai (công thông tin tỉnh) đăng công báo lấy ý kiến trên Công thông tin của tỉnh về Quyết định quy định đơn giá chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc sở;
- Lưu: VT, GDNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Cộg

Số: /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đơn giá chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp
đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình
nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phát triển
kinh tế - xã hội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: /Ttr - LĐTBXH ngày /01/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

1. Phạm vi: Áp dụng thực hiện chính sách đối với hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khi tham gia học nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng

- Thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc bộ, ngành, cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Đơn giá

ĐVT: Đồng

TT	Tên nghề đào tạo	Số lượng học viên tối đa/ lớp	Thời gian đào tạo (tháng)	Đơn giá đào tạo /01 học viên	Thành tiền
1.	Vận hành xe nâng	35	03	7.446.000	260.610.000
2.	Lái xe ô tô hạng B2	35	04	9.842.000	344.470.000
3.	Lái xe ô tô hạng C	35	06	11.500.000	402.500.000
4.	Lái xe ô tô nâng hạng B2 lên C	35	02	5.470.000	191.450.000
5.	Sửa xe gắn máy	18	06	9.100.000	163.800.000
6.	Hàn điện	35	03	7.799.000	272.965.000
7.	Hàn trình độ 3G	20	03	11.570.000	231.400.000
8.	Hàn trình độ 6G	20	03	16.624.000	332.480.000
9.	Cắt uốn tóc chuyên nghiệp	35	03	9.030.000	316.050.000
10.	Trang điểm chuyên nghiệp	35	03	9.063.000	317.205.000
11.	Xăm phun thẩm mỹ (body art tatto)	35	03	9.019.000	315.665.000
12.	Kỹ thuật nhiếp ảnh	35	03	8.030.000	281.050.000
13.	Đầu bếp chuyên nghiệp	35	03	9.044.000	316.540.000
14.	Pha chế thức uống	35	03	9.085.000	317.975.000
15.	Thợ bánh chuyên nghiệp	35	03	9.054.000	316.890.000
16.	Bánh Việt Á Âu	35	03	9.008.000	315.280.000

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, giao hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thực hiện đơn giá chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ, chi trả và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 4. Trong quá trình đào tạo theo nhu cầu học nghề của thanh niên hoàn thành nghĩa vụ, các nghề phát sinh không thuộc các nghề nêu trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hoà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ LĐTB-XH;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

